**Bản so sánh, thuyết minh Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN**

**ngày 30/6/2022 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng**

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Khoản 5 Điều 51 Luật NHNN quy định “Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trình tự, thủ tục thanh tra, giám sát ngân hàng”.

- Điều 23 Thông tư 08 về can thiệp sớm được xây dựng, ban hành theo quy định tại Điều 130a Luật Các TCTD 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), hiện đã được thay thế bởi các Điều 143 và Chương IX – Can thiệp sớm TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (CN NHNg) từ Điều 156 đến Điều 162 Luật Các TCTD 2024. Nội dung về can thiệp sớm trong Luật Các TCTD 2024 có sự khác biệt so với quy định tại Luật Các TCTD 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung).

- Khoản 3 Điều 160 Luật Các TCTD có quy định NHNN có trách nhiệm giám sát việc thực hiện phương án khắc phục. Ngoài ra, một số Điều khoản của Luật Các TCTD 2024 có sự thay đổi so với Luật Các TCTD 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung).

- Theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN Việt Nam (Nghị định 26/2025/NĐ-CP), cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị thuộc NHNN có sự thay đổi, NHNN chi nhánh cũng được tổ chức lại thành 15 NHNN chi nhánh tại các Khu vực. Đồng thời Nghị định 26/2025/NĐ-CP bãi bỏ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17/5/2019 của Chính phủ (Nghị định 26/2014/NĐ-CP). Từ đó dẫn đến sự thay đổi của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô được quy định tại Thông tư 08, thay đổi về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.

Từ các lý do trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08 là cần thiết để phù hợp với quy định mới của Luật Các TCTD 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**2. Quan điểm xây dựng DTTT**

- Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NHNN, Luật Các TCTD 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc NHNN sau khi được tổ chức lại.

**II. TÊN GỌI, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

* 1. Tên gọi: Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.
  2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.
  3. Đối tượng áp dụng:

- Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng bao gồm: Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô và Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô.

- Đối tượng giám sát ngân hàng bao gồm: Đối tượng giám sát an toàn vi mô và Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.

**III. BỐ CỤC DỰ THẢO THÔNG TƯ**

Dự thảo Thông tư gồm 04 Điều, cụ thể:

1. Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN;
2. Điều 2: Bãi bỏ, thay thế một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN;
3. Điều 3: Tổ chức thực hiện;
4. Điều 4: Điều khoản thi hành.

**IV. BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định tại Thông tư 08/2022/TT-NHNN** | **Quy định tại DTTT** | **Lý do** |
|  | **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN** |  |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ** | **Điểm b khoản 4 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| b) Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô là hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó bao gồm nhóm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống và nhóm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân theo loại hình hoạt động, loại hình sở hữu. | “b) Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô là hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó bao gồm *nhóm tổ chức tín dụng có tầm quan trọng hệ thống* và nhóm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân theo loại hình hoạt động, loại hình sở hữu.” | DTTT thay thế cụm từ “tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống” thành “tổ chức tín dụng có tầm quan trọng hệ thống”, lý do:  - Theo quy định tại khoản 15 Điều 3 Thông tư 08, “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà khi các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài này mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán, phá sản thì có khả năng gây tác động tiêu cực lên toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc gây ra rủi ro hệ thống làm gián đoạn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và toàn bộ nền kinh tế”.  Theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Các TCTD, CN NHNg được ngân hàng nước ngoài (ngân hàng mẹ) bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết khi hoạt động tại Việt Nam. Do vậy chi nhánh NHNg có thể không đáp ứng tiêu chí của tổ chức có tầm quan trọng hệ thống.  - Trên thực tế trong thời gian vừa qua Nhóm TCTD, CN NHNg có tầm quan trọng hệ thống do Thống đốc NHNN phê duyệt không có CN NHNg mà chỉ bao gồm các NHTM. |
| **Khoản 5, 6, 17 Điều 3** | **Khoản 5, 6, 17 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| 5. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật. | 5. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là *Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh)* được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước *Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước)*. | Căn cứ cơ cấu tổ chức mới của NHNN quy định tại Nghị định 26/2025/NĐ-CP, theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định 276/QĐ-NHNN ngày 24/2/2025 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý, giám sát TCTD, căn cứ các Quyết định của Thống đốc NHNN về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh các Khu vực, Cục Quản lý, giám sát TCTD, NHNN chi nhánh tại các Khu vực thực hiện giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng*.* |
| 6. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật. | 6. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô là *Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng,* được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. | Căn cứ cơ cấu tổ chức mới của NHNN quy định tại Nghị định 26/2025/NĐ-CP, theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định 277/QĐ-NHNN ngày 24/2/2025 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục An toàn hệ thống các TCTD quy định Cục có *trách nhiệm giám sát an toàn vĩ mô đối với hệ thống TCTD, CN NHNg.* |
| 17. Sổ tay giám sát ngân hàng là tài liệu hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ giám sát ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:  a) Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu;  b) Hướng dẫn về hoạt động giám sát;  c) Các công cụ hỗ trợ giám sát;  d) Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng;  đ) Hồ sơ giám sát ngân hàng. | 17. *Sổ tay giám sát an toàn vi mô, sổ tay giám sát an toàn vĩ mô* là tài liệu hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ *giám sát an toàn vi mô, giám sát an toàn vĩ mô* do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:  a) Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu;  b) Hướng dẫn về hoạt động giám sát;  c) Các công cụ hỗ trợ giám sát;  d) Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng;  đ) Hồ sơ giám sát ngân hàng;  *e) Mẫu báo cáo giám sát an toàn vi mô, mẫu báo cáo giám sát an toàn vĩ mô.* | Khoản 17 tách Sổ tay giám sát ngân hàng thành 2 Sổ tay riêng biệt do Cục Quản lý, giám sát TCTD, Cục An toàn hệ thống các TCTD ban hành. Đồng thời chuyển mẫu báo cáo giám sát từ Thông tư sang Sổ tay để đảm bảo sự linh hoạt trong nội dung báo cáo và chủ động cho đơn vị thực hiện. |
| **Điều 4. Nguyên tắc giám sát ngân hàng** | **Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| 1. Các nguyên tắc quy định tại Điều 51 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Điều 4 Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ (đã sửa đổi, bổ sung) quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.  (Luật NHNN **Điều 51. Nguyên tắc thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Thanh tra, giám sát ngân hàng phải tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng.  2. Kết hợp thanh tra, giám sát việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng với thanh tra, giám sát rủi ro trong hoạt động của đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng.  3. Thanh tra, giám sát ngân hàng được thực hiện theo nguyên tắc thanh tra, giám sát toàn bộ hoạt động của tổ chức tín dụng.  4. Thanh tra, giám sát ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về thanh tra, giám sát ngân hàng của Luật này với quy định của luật khác thì thực hiện theo quy định của Luật này.  5. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trình tự, thủ tục thanh tra, giám sát ngân hàng.) | 1. Các nguyên tắc quy định tại Điều 51 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam *và các nguyên tắc theo quy định của pháp luật có liên quan về hoạt động giám sát ngân hàng.* | Qua rà soát, Điều 4 Nghị định 26/2014/NĐ-CP quy định các nguyên tắc chung về thanh tra ngân hàng, giám sát ngân hàng, một số nguyên tắc này trùng với nguyên tắc đã được quy định tại Điều 51 Luật NHNN. Do Nghị định 26/2014/NĐ-CP đã hết hiệu lực, DTTT sửa đổi theo hướng: “….và các nguyên tắc theo quy định của pháp luật có liên quan về hoạt động giám sát ngân hàng.”  **(Nghị định 26** “**Điều 4. Nguyên tắc thanh tra ngân hàng, giám sát ngân hàng**  1. Bảo đảm tập trung, thống nhất trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ từ Trung ương đến địa phương.  2. Tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lắp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng.  3. Thanh tra ngân hàng được tiến hành theo đoàn thanh tra hoặc do thanh tra viên ngân hàng thực hiện.  4. Giám sát ngân hàng được tiến hành thường xuyên, liên tục.  5. Kết hợp thanh tra, giám sát việc chấp hành chính sách, pháp luật với thanh tra, giám sát rủi ro trong hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng; kết hợp chặt chẽ giữa thanh tra ngân hàng và giám sát ngân hàng.  6. Thực hiện thanh tra, giám sát toàn bộ hoạt động của tổ chức tín dụng.  7. Thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về thanh tra ngân hàng, giám sát ngân hàng của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với quy định của luật khác thì thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam…..”) |
| **Điều 9. Nội dung giám sát an toàn vi mô đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài** | **Điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:** | DTTT sửa đổi điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều 9 để thống nhất với các quy định tại Luật Các TCTD 2024 |
| a) Giám sát tuân thủ chế độ báo cáo thống kê, chế độ thông tin báo cáo theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx) (đã sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô; | a) Giám sát tuân thủ chế độ báo cáo thống kê, chế độ thông tin báo cáo theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô; | Sửa để phù hợp với Luật Các TCTD 2024. |
| b) Giám sát tuân thủ các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129, 130 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung); phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở kết quả từ hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa, hệ thống báo cáo thống kê điện tử của Ngân hàng Nhà nước; | b) Giám sát tuân thủ các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các *Điều 134, 135, 136, 137 và 138 Luật Các tổ chức tín dụng*; *và việc tuân thủ quy định về phân loại tài sản có, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động* của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; | - “Điều 126, 127, 128, 129, 130 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung)” được cập nhật theo Luật Các TCTD 2024 tại các Điều 134, 135, 136, 137, 138.  - Thay nội dung “phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro” thành “*và việc tuân thủ quy định về phân loại tài sản có, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động”* để phù hợp với quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Nghị định 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái.  - Bỏ cụm từ “trên cơ sở kết quả …. của Ngân hàng Nhà nước” do Điều này quy định về nội dung giám sát, nguồn thông tin, dữ liệu phục vụ giám sát đã được quy định tại Điều 7 Thông tư 08. |
| c) Giám sát tuân thủ việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người quản lý, người điều hành quy định tại Điều 50 và khoản 4 Điều 89 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung); và việc tuân thủ cơ cấu quản trị, điều hành, kiểm soát của đối tượng giám sát theo quy định tại Chương III Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung); | c) Giám sát tuân thủ việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý, người điều hành quy định tại *Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng*; và việc tuân thủ cơ cấu quản trị, điều hành, kiểm soát của đối tượng giám sát theo quy định tại *Chương IV Luật Các tổ chức tín dụng*; | Sửa để phù hợp với Luật Các TCTD 2024. |
| đ) Rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát an toàn vi mô ban hành theo quy định tại Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung): Hằng năm, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô lựa chọn một số quy định nội bộ để tiến hành rà soát. | đ) Rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát an toàn vi mô ban hành theo quy định tại *Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng*: Hằng năm, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô lựa chọn một số quy định nội bộ để tiến hành rà soát. | Sửa để phù hợp với Luật Các TCTD 2024. |
| **Khoản 3 Điều 9**  3. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát rủi ro thông qua việc sử dụng mô hình và phương pháp phân tích rủi ro do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành trong từng thời kỳ và/hoặc thực hiện phân tích, nhận định về rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng thông qua một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây: | **Tiêu đề khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:**  3. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện *giám sát rủi ro thông qua phân tích, nhận định về rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng về một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây:*  *…*  **Khoản 4a được bổ sung như sau:**  *“4a. Trong từng thời kỳ, trường hợp cần thiết, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành mô hình và phương pháp phân tích rủi ro và tổ chức triển khai để thực hiện giám sát rủi ro.”* | Để đảm bảo rõ ràng trong việc triển khai thực hiện, DTTT phân tách khoản 3 Điều 9 thành 2 nội dung:  (i) Giám sát rủi ro thông qua phân tích, nhận định về rủi ro của đối tương giám sát ngân hàng: nội dung này các đơn vị giám sát vi mô đang thực hiện;  (ii) Giám sát rủi ro thông qua việc sử dụng mô hình và phương pháp phân tích rủi ro: nội dung này sẽ được thực hiện trong trường hợp cần thiết, khi Thống đốc NHNN ban hành mô hình và phương pháp phân tích rủi ro trong từng thời kỳ. |
|  | **Điểm b(i) khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| (i) Thay đổi về người quản lý, người điều hành được quy định tại Điều 50 và Điều 89 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) của đối tượng giám sát an toàn vi mô; | (i) Thay đổi về người quản lý, người điều hành được quy định tại *Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng* của đối tượng giám sát an toàn vi mô; | Sửa để phù hợp với Luật Các TCTD 2024. |
| **Điều 11. Giám sát tăng cường** | **Điểm b khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| b) Đối tượng giám sát an toàn vi mô được áp dụng biện pháp can thiệp sớm theo quy định của pháp luật và Thông tư này; | b) Đối tượng giám sát an toàn vi mô được *can thiệp sớm* theo quy định của pháp luật và Thông tư này; | DTTT bỏ cụm từ *“áp dụng biện pháp”* để phù hợp với quy định của Luật Các TCTD 2024 về can thiệp sớm. Điều 162 Luật Các TCTD 2024 cũng sử dụng thuật ngữ *“TCTD được can thiệp sớm”* . |
| **Điều 12. Lập báo cáo giám sát an toàn vi mô và đề xuất, thực hiện biện pháp xử lý**  Khoản 3 về nguyên tắc lập, phê duyệt và gửi báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ: | **Điểm c(i) khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| (i) Đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng, năm phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô và phải được gửi đến Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để báo cáo;  (ii) Đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thuộc cơ cấu tổ chức của Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội hoặc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng, năm phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô và phải được gửi đến Lãnh đạo Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để báo cáo;  (iii) Đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thuộc cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng, năm phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô và được gửi đến Lãnh đạo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước để báo cáo; | (i) Báo cáo giám sát an toàn vi mô *định kỳ* phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;” | Do khái niệm đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 DTTT (khoản 5 Điều 3 Thông tư 08) để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của NHNN sau sắp xếp, DTTT sửa đổi, bổ sung thẩm quyền phê duyệt báo cáo giám sát an toàn vi mô trên cơ sở gộp các điểm c(i), c(ii) và c(iii).  Quy định về gửi báo cáo giám sát được chuyển xuống các điều khoản về trách nhiệm của đơn vị giám sát an toàn để tạo sự thống nhất (việc gửi báo cáo giám sát an toàn vi mô được quy định tại khoản 4 Điều 25, khoản 2, 3 Điều 26 DTTT). |
| **Điều 13. Hồ sơ giám sát an toàn vi mô** | **Khoản 2 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| 2. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng bị áp dụng can thiệp sớm, hồ sơ giám sát an toàn vi mô cần bổ sung thêm Quyết định áp dụng can thiệp sớm, phương án khắc phục. | 2. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng *được can thiệp sớm*, hồ sơ giám sát an toàn vi mô cần bổ sung thêm *phương án khắc phục, các văn bản, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương IX Luật Các tổ chức tín dụng và hồ sơ, tài liệu kèm theo trong quá trình thực hiện can thiệp sớm.* | DTTT sửa đổi quy định về hồ sơ giám sát an toàn vi mô để phù hợp với các quy định về can thiệp sớm tại Luật Các TCTD (Luật Các TCTD 2024 không có “Quyết định áp dụng can thiệp sớm” mà sử dụng thuật ngữ “văn bản, yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng Nhà nước”). |
| **Điểm b(i) khoản 3 Điều 16 về nguyên tắc lập, gửi báo cáo giám sát an toàn vĩ mô định kỳ:** | **Điểm b(i) khoản 3 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| (i) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô và được gửi đến Lãnh đạo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước để báo cáo; | (i) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô *định kỳ* *phải được* phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô; | Quy định về gửi báo cáo giám sát được chuyển xuống các điều khoản về trách nhiệm của đơn vị giám sát an toàn vĩ mô để tạo sự thống nhất  (việc gửi báo cáo giám sát an toàn vĩ mô được quy định tại khoản 3 Điều 24 DTTT). |
| **Điều 21. Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng** |  |  |
| 1. Căn cứ vào kết quả giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng; tùy theo mức độ an toàn, lành mạnh và vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng, thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật (nếu có); trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền:  a) Áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại Điều 25 Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ (đã sửa đổi, bổ sung) quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;  b) Áp dụng hình thức giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng;  c) Kiến nghị tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát ngân hàng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro, không an toàn trong hoạt động;  d) Sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng (nếu có). | **Khoản 1 Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:**  *“1. Các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô*  a) Thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng;  b) Tùy theo mức độ an toàn, lành mạnh và vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  c) Trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền:  (i) Áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 59 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  (ii) Yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng thực hiện chế độ báo cáo;  (iii) Kiến nghị tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát ngân hàng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro, không an toàn trong hoạt động;  (iv) Áp dụng hình thức giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng;  (v) Thực hiện can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt hoặc áp dụng các biện pháp cơ cấu lại theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan;  (vi) Quyết định thành lập tổ giám sát để theo dõi, giám sát đối tượng giám sát ngân hàng;  (vii) Đình chỉ, chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật;  (viii) Áp dụng các biện pháp kiểm soát giao dịch tiềm ẩn rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật;  (ix) Đình chỉ, tạm đình chỉ, miễn nhiệm chức vụ của người quản lý, người điều hành và xử lý cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây nguy cơ mất an toàn hoạt động cho đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật; kiến nghị cấp có thẩm quyền không bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc xử lý bằng biện pháp khác đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật gây nguy cơ mất an toàn hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật;  (x) Sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng;  d) Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.”  **Khoản 2a Điều 21 được bổ sung như sau:**  *“2a. Các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vĩ mô*  a) Thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng;  *b)* Trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng;  *c) Kiến nghị đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô áp dụng biện pháp xử lý quy định tại khoản 1 Điều này;*  d) Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.” | Qua rà soát, Điều 25 Nghị định 26/2014/NĐ-CP quy định các biện pháp xử lý giám sát ngân hàng, trong đó một số biện pháp xử lý trùng với biện pháp xử lý quy định tại Điều 59 Luật NHNN, một số biện pháp khác được áp dụng theo các quy định của pháp luật. Do Nghị định 26/2014/NĐ-CP đã hết hiệu lực, DTTT quy định theo hướng liệt kê lại các biện pháp quy định tại Điều 25 Nghị định 26/2014/NĐ-CP (trừ các nội dung trùng với Điều 59 Luật NHNN) và việc áp dụng các biện pháp này trong thực tiễn được thực hiện theo quy định của pháp luật. Đồng thời, để phù hợp với thay đổi của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô, DTTT phân tách biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng thành 2 nội dung riêng biệt: (i) biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô và (ii) biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vĩ mô.  (Điều 25 Nghị định 26/2014/NĐ-CP quy định:  “**Điều 25. Các biện pháp xử lý giám sát ngân hàng**  Tùy theo mức độ an toàn, lành mạnh và vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng, Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng áp dụng các biện pháp xử lý sau đây:  1. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc người được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại Điều 59 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Kiến nghị cấp có thẩm quyền đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt, áp dụng các biện pháp cơ cấu lại theo quy định của pháp luật.  3. Yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.  4. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc người được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền quyết định thành lập tổ giám sát đề theo dõi, giám sát đối tượng giám sát ngân hàng.  5. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc người được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền đình chỉ, chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật và hoạt động gây mất an toàn hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng.  6. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc người được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền áp dụng các biện pháp kiểm soát các giao dịch tiềm ẩn rủi ro và hạn chế tăng trưởng, mở rộng quy mô, các hoạt động ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng.  7. Kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ, tạm đình chỉ, miễn nhiệm chức vụ của người quản lý, người điều hành và xử lý cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây nguy cơ mất an toàn hoạt động cho đối tượng giám sát ngân hàng; kiến nghị cấp có thẩm quyền không bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc xử lý bằng biện pháp khác đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật gây nguy cơ mất an toàn hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng.  8. Các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.”) |
| **Điều 22: Khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng** | **Khoản 1 Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| 1. Căn cứ kết quả giám sát, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng quyết định hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, phê duyệt khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng. | 1. Căn cứ kết quả giám sát, *đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng* xem xét, phê duyệt khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng. | DTTT sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền xem xét, phê duyệt khuyến nghị, cảnh báo để phù hợp cơ cấu tổ chức mới của NHNN |
| **Điều 23. Áp dụng can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng** | **Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:** |  |
| Điều 23. Áp dụng can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng | Điều 23. Can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng | Sửa đổi tên của Điều vì Luật Các TCTD 2024 sử dụng thuật ngữ “thực hiện can thiệp sớm” thay cho thuật ngữ “áp dụng can thiệp sớm”. |
| 1. Thẩm quyền quyết định việc can thiệp sớm quy định tại Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung):  a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;  b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng (không bao gồm chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuộc trách nhiệm giám sát của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. | 1. Thẩm quyền quyết định *trong việc* can thiệp sớm *tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:*  a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định *các nội dung sau đây* đối với đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của *Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng*:  *(i) Thực hiện can thiệp sớm khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng;*  *(ii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 156; áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế quy định tại Điều 157; điều chỉnh các yêu cầu, biện pháp hạn chế, nội dung phương án khắc phục theo quy định tại khoản 3 Điều 160 Luật Các tổ chức tín dụng;*  *(iii) Xem xét, chấp thuận việc áp dụng biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm theo quy định tại khoản 4 Điều 158; việc sửa đổi, bổ sung các biện pháp hỗ trợ theo quy định tại khoản 5 Điều 160 Luật Các tổ chức tín dụng;*  *(iv) Có văn bản chấm dứt can thiệp sớm theo quy định tại Điều 161 Luật Các tổ chức tín dụng;*  *(v) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Chương IX Luật Các tổ chức tín dụng;*  b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định *các nội dung quy định tại điểm a khoản này* đối với đối tượng giám sát (không bao gồm chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuộc trách nhiệm giám sát của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.  *Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) đối với các nội dung vượt thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.* | Đối với các thẩm quyền của NHNN tại Luật Các TCTD 2024 trong việc can thiệp sớm, DTTT quy định thẩm quyền quyết định của Thống đốc NHNN và của Giám đốc NHNN Chi nhánh phù hợp với phân cấp về đối tượng quản lý, giám sát. |
| 2. Căn cứ kết quả giám sát ngân hàng và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung), đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện:  a) Trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, ban hành văn bản áp dụng can thiệp sớm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;  b) Trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, ban hành văn bản áp dụng can thiệp sớm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.  3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm, đối tượng giám sát ngân hàng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) báo cáo thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục và tổ chức triển khai thực hiện. Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài điều chỉnh phương án khắc phục nếu xét thấy cần thiết.  Việc xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục của đối tượng giám sát ngân hàng phải căn cứ vào thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng và phải bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).  4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung phương án khắc phục, đối tượng giám sát ngân hàng có trách nhiệm gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phương án khắc phục (đã điều chỉnh, bổ sung) và tổ chức triển khai thực hiện.  5. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng không xây dựng được phương án khắc phục theo quy định tại khoản 3 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) hoặc hết thời hạn thực hiện phương án mà không khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung), đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô trình:  a) Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, ban hành văn bản yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 4 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);  b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, ban hành văn bản yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 4 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).  6. Sau khi đối tượng giám sát ngân hàng khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) hoặc khi đối tượng giám sát ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô trình:  a) Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, ban hành văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;  b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, ban hành văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm với đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.  7. Trong quá trình xây dựng và triển khai áp dụng can thiệp sớm, phương án khắc phục, trường hợp cần thiết, để làm rõ những tồn tại, hạn chế và giải pháp khắc phục phù hợp, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng (không bao gồm chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuê tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán một, một số hoặc tất cả các nội dung theo quy định của pháp luật. |  | Bỏ quy định từ khoản 2 đến khoản 7 Thông tư 08 với lý do:  - Trách nhiệm tham mưu, đề xuất Thống đốc NHNN của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô được quy định tại khoản 5 Điều 25 DTTT về trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng. Khoản 4 Điều 26 DTTT về trách nhiệm của NHNN Chi nhánh quy định “*Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Thông tư này*”.  - Khoản 3 Điều 23 Thông tư 08 quy định trách nhiệm của đối tượng giám sát NH trong *thời hạn 30 ngày* phải gửi báo cáo bằng văn bản. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 158 Luật Các TCTD 2024 về xây dựng, cập nhật, thông qua phương án khắc phục quy định TCTD, CN NHNg phải gửi NHNN *trong thời hạn theo yêu cầu của NHNN.*  - Khoản 4 Điều 23 Thông tư 08 quy định *trong thời hạn 30 ngày* kể từ ngày nhận được văn bản, đối tượng giám sát ngân hàng có trách nhiệm gửi CQTTGSNH, NHNN CN về phương án đã khắc phục và tổ chức triển khai thực hiện. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 156 Luật Các TCTD về thực hiện can thiệp sớm TCTD, CN NHNg quy định TCTD, CN NHNN *có trách nhiệm thực hiện ngay* các yêu cầu, biện pháp hạn chế tại văn bản của NHNN.  Các nội dung khác đã được quy định cụ thể tại Luật các TCTD 2024, DTTT không quy định lại. |
| **8. Báo cáo, giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục:** | **Báo cáo, giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục:** | Kế thừa quy định Thông tư 08. |
| a) Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) trước ngày 10 của tháng tiếp theo để giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này; | a) Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục cho Ngân hàng Nhà nước (*Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng* hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) trước ngày 10 của tháng tiếp theo để giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này; | Sửa đổi để phù hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô đã được sửa đổi tại khoản 5 Điều 3 về giải thích từ ngữ. |
| b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô quy định tại Điều 12 Thông tư này phải bao gồm việc giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh; | b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô quy định tại Điều 12 Thông tư này phải bao gồm việc giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục *theo quy định tại Luật các Các tổ chức tín dụng và Thông tư này;* | Kế thừa quy định tại Thông tư 08 |
| c) Căn cứ kết quả việc thực hiện phương án khắc phục của đối tượng giám sát ngân hàng, nếu phát hiện có sự chậm trễ hoặc không có hiệu quả trong quá trình thực hiện, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo giải trình nguyên nhân và biện pháp khắc phục. | c) *Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện các trách nhiệm và quyền quy định tại khoản 3 Điều 160 Luật Các tổ chức tín dụng.* | Sửa đổi để phù hợp với khoản 3 Điều 160 Luật Các TCTD. |
|  | **Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:** | **Sửa đổi Điều 24** theo hướng quy định trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng bao gồm một số trách nhiệm của CQTTGS tại Điều 24 Thông tư 08 và trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô tại Điều 27 Thông tư 08 (bãi bỏ Điều 27). |
| Điều 24. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng  1. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động giám sát ngân hàng trong toàn bộ hệ thống Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.  2. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức có liên quan thực hiện hoạt động giám sát ngân hàng.  3. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện giám sát tăng cường theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với đối tượng giám sát thuộc phạm vi phân công giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.  4. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Quyết định ban hành Sổ tay giám sát ngân hàng để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này và Danh sách các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống.  5. Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị có liên quan của Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, đầu tư, xây dựng, ứng dụng, quản lý cơ sở dữ liệu và phát triển hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát ngân hàng thống nhất trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.  6. Trường hợp cần thiết, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nội dung giám sát an toàn vĩ mô đột xuất quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 15 Thông tư này.  7. Quyết định các mức ngưỡng thay đổi của giám sát an toàn vi mô và giám sát an toàn vĩ mô trong từng thời kỳ.  8. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành mô hình và phương pháp phân tích rủi ro trong từng thời kỳ.  9. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật. | Điều 24. Trách nhiệm của *Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng*  *1. Thực hiện giám sát an toàn vĩ mô đối với hệ thống tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*  *2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này.*  *3. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vĩ mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vĩ mô) cho đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước.*  *4. Đầu mối, phối hợp với các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định các ngưỡng giám sát an toàn vĩ mô trong từng thời kỳ.*  *5. Trường hợp cần thiết, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nội dung giám sát an toàn vĩ mô đột xuất quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 15 Thông tư này.*  *6. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Sổ tay giám sát an toàn vĩ mô để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát an toàn vĩ mô và Danh sách các tổ chức tín dụng có tầm quan trọng hệ thống.*  *7. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật.* | Kế thừa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 và khoản 1 Điều 27 theo trách nhiệm giám sát an toàn vĩ mô.  Kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 27.  Kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 27.  Kế thừa quy định tại khoản 5 Điều 27 và khoản 7 Điều 24.  Kế thừa quy định tại khoản 6 Điều 24.  Kế thừa quy định tại khoản 4 Điều 24 và khoản 6 Điều 27.  Kế thừa quy định tại khoản 9 Điều 24. |
|  | **Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:**  *Điều 25. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng*  *1. Thực hiện giám sát an toàn vi mô đối với các đối tượng giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.*  *2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo quy định tại Thông tư này.*  *3. Xem xét, quyết định cơ chế cán bộ chuyên quản đối với từng đối tượng giám sát ngân hàng theo nguyên tắc sau đây:*  *a) Cán bộ chuyên quản có quyền tiếp cận thông tin tổng thể về đối tượng giám sát ngân hàng do mình giám sát, bao gồm cả thông tin trong hoạt động thanh tra ngân hàng và hoạt động cấp phép;*  *b) Cán bộ chuyên quản được xem xét tham gia các đoàn thanh tra mà đối tượng thanh tra là đối tượng giám sát ngân hàng do cán bộ chuyên quản đó giám sát.*  *4. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước.*  *5. Tham mưu, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư này.*  *6. Đầu mối, phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô quyết định các ngưỡng giám sát an toàn vi mô đối với từng loại hình tổ chức tín dụng trong từng thời kỳ.*  *7. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện giám sát tăng cường theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.*  *8. Giám sát việc thực hiện phương án khắc phục theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.*  *9. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Sổ tay giám sát an toàn vi mô để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát an toàn vi mô; tham mưu, trình Thống đốc ban hành hướng dẫn về quản lý, giám sát an toàn vi mô đối với tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài.*  *10. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật.* | **Sửa đổi Điều 25 DTTT** theo hướng quy định trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng bao gồm một số trách nhiệm của CQTTGS tại Điều 24 Thông tư 08 và trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô tại Điều 26 Thông tư 08.  Kế thừa quy định từ khoản 1 Điều 24 và khoản 1 Điều 26 theo trách nhiệm giám sát an toàn vi mô.  Kế thừa quy định từ khoản 2 Điều 26.  Kế thừa quy định khoản 3 Điều 26.  Kế thừa quy định từ khoản 5 Điều 26.  Bổ sung trách nhiệm tham mưu, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại DTTT.  Kế thừa quy định tại khoản 7 Điều 24, khoản 6 Điều 26 và khoản 4 Điều 27.  Kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 24 và khoản 4 Điều 26.  Bổ sung trách nhiệm giám sát việc thực hiện phương án khắc phục theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này  Kế thừa quy định tại khoản 4 Điều 24 và bổ sung quy định về “*các hướng dẫn về quản lý, giám sát an toàn vi mô…*” để phù hợp với khoản 1 Điều 2 Quyết định 276/QĐ-NHNN ngày 24/2/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý, giám sát TCTD.  Kế thừa quy định tại khoản 9 Điều 24. |
| **Điều 25. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh** | **Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:** | **Sửa đổi Điều 26 DTTT** theo hướng quy định trách nhiệm của NHNN Chi nhánh bao gồm một số trách nhiệm của NHNN Chi nhánh tại Điều 25 Thông tư 08 và trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô tại Điều 26 Thông tư 08. |
| 1. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức có liên quan trong hoạt động giám sát an toàn vi mô thuộc phạm vi được phân công.  2. Thực hiện giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với từng trường hợp cụ thể.  3. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật. | Điều 26. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh  *1. Thực hiện giám sát an toàn vi mô đối với các đối tượng giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh.*  *2. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước (trừ kết quả giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng là quỹ tín dụng nhân dân).*  *3. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng (trừ kết quả giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng là chi nhánh của tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân).*  *4. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Thông tư này.*  *5. Thực hiện giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với từng trường hợp cụ thể.*  *6. Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 8 Điều 25 Thông tư này đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.*  *7. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật.”.* | Kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 25 và khoản 1 Điều 26 theo trách nhiệm giám sát an toàn vi mô.  Kế thừa quy định tại khoản 5 Điều 26.  Kế thừa quy định tại khoản 5 Điều 26.  Bổ sung trách nhiệm xem xét, quyết định việc can thiệp sớm quy định tại Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng đối với đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của NHNN chi nhánh.  Kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 25 và khoản 4 Điều 26.  Thực hiện các nội dung tương tự tại khoản 2, khoản 3, khoản 8 và khoản 11 Điều 25 đối với đối tượng giám sát thuộc phạm vi, trách nhiệm được phân công của NHNN chi nhánh.  Kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 25. |
|  | **Điều 2.** |  |
| **- Khoản 18 Điều 3:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.  **- Khoản 2 Điều 5:** Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc thực hiện kết luận thanh tra và quy định tại Thông tư này.  **- Điểm b khoản 3 Điều 12:** Báo cáo giám sát an toàn vi mô được lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này cho đối tượng giám sát ngân hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này cho các đối tượng giám sát ngân hàng là các chi nhánh của cùng một tổ chức tín dụng trên địa bàn;  **- Điểm c khoản 3 Điều 12:**  (ii) Đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thuộc cơ cấu tổ chức của Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội hoặc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng, năm phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô và phải được gửi đến Lãnh đạo Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để báo cáo;  (iii) Đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thuộc cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng, năm phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô và được gửi đến Lãnh đạo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước để báo cáo;  **Điều 27. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô** | 1. Bỏ khoản 18 Điều 3, khoản 2 Điều 5, điểm b, c(ii) và c(iii) khoản 3 Điều 12, Điều 27, Phụ lục II, III và IV Thông tư số 08/2022/TT-NHNN. | - Bỏ khoản 18 Điều 3 Thông tư 08: đã quy định tại khoản 5 Điều 3 về giải thích từ ngữ “5. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng,* được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước *Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước)* và quy định của pháp luật”.  - Bỏ khoản 2 Điều 5: để phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh Tra Ngân hàng Nhà nước (tại điểm đ khoản 4 Điều 2 Quyết định số 275/QĐ-NHNN ngày 24/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước), đồng thời nội dung này không còn thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quản lý, giám sát vi mô TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Bỏ điểm b khoản 3 Điều 12: Phụ lục II được bãi bỏ tại DTTT.  - Bỏ điểm c(ii) và c(iii) khoản 3 Điều 12 Thông tư 08: để phù hợp cơ cấu tổ chức mới của NHNN và khoản 5 Điều 3 DTTT.  - Bỏ Điều 27 Thông tư 08: để phù hợp cơ cấu tổ chức mới và trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, giám sát an toàn vĩ mô đã được quy định tại khoản 10, khoản 11, khoản 12 Điều 1 DTTT |
| **- Khoản 4, Điều 7:** Căn cứ vào yêu cầu giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô yêu cầu hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu ngoài các tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.  **- Điểm a khoản 1 Điều 16:** Lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất hoặc định kỳ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;  **- Khoản 1 Điều 19:** Trong trường hợp phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vi mô hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng yêu cầu hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô) yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng giải trình.  **- Khoản 1 Điều 20:** Trong trường hợp cần thiết, khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vi mô hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng quyết định hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô) quyết định thành lập tổ công tác, nội dung làm việc trực tiếp với đối tượng giám sát ngân hàng.  **- Khoản 2 Điều 21:** Trường hợp cần thiết, để đánh giá đầy đủ thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng (không bao gồm chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán một, một số hoặc tất cả các nội dung hoạt động theo quy định pháp luật.  **- Khoản 15 Điều 4:** Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà khi các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài này mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán, phá sản thì có khả năng gây tác động tiêu cực lên toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc gây ra rủi ro hệ thống làm gián đoạn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và toàn bộ nền kinh tế.  **- Khoản 5 Điều 15:** Đối với nhóm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô thực hiện giám sát tối thiểu các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng theo định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất khi phát sinh nhận định về rủi ro hệ thống theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. | 2. Bỏ cụm từ “yêu cầu hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,” tại khoản 4 Điều 7; bỏ cụm từ “theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này” tại điểm a khoản 1 Điều 16; bỏ cụm từ “yêu cầu hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô)” tại Khoản 1 Điều 19; bỏ cụm từ “quyết định hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô)” tại khoản 1 Điều 20; bỏ cụm từ “trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 2 Điều 21; bỏ cụm từ “, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại khoản 15 Điều 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN. | - Bỏ cụm từ tại khoản 4 Điều 7: Sửa đổi để phù hợp đối tượng giám sát đã được sửa đổi tại khoản 5 Điều 3 về giải thích từ ngữ  - Bỏ cụm từ tại Điểm a khoản 1 Điều 16: Phụ lục II, III và IV Thông tư số 08/2022/TT-NHNN được bãi bỏ tại DTTT.  - Bỏ cụm từ tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 21: để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới.  DTTT sửa đổi, bổ sung nội dung “tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống” thành “tổ chức tín dụng có tầm quan trọng hệ thống” (bỏ cụm từ “chi nhánh ngân hàng nước ngoài”) tại khoản 15 Điều 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN với lý do đã nêu tại nội dung sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 3 nêu trên. |
| **Điều 28. Trách nhiệm của các đơn vị khác có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước**  1. Cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật.  2. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong hoạt động giám sát an toàn ngân hàng.  3. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong việc rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát ban hành theo văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị đó đầu mối xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành. | 3. Thay đổi cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” thành cụm từ “Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng” tại Điều 28 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN. | Sửa đổi theo cơ cấu tổ chức mới của NHNN quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Điều 31:** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. | 4. Thay đổi cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” thành cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng; Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng” tại Điều 31 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN. | Sửa đổi theo cơ cấu tổ chức mới của NHNN quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Khoản 1 Điều 15:** Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô sử dụng các ngưỡng thay đổi phù hợp với đặc điểm của đối tượng giám sát an toàn vĩ mô để đánh giá về rủi ro ảnh hưởng đến an toàn hệ thống. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng quyết định các ngưỡng thay đổi của các khoản mục nêu trên. | 5. Thay đổi cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” thành cụm từ “Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng” tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN. | Sửa đổi theo cơ cấu tổ chức mới của NHNN quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Điểm a khoản 3 Điều 9:** Phân tích, nhận định về những thay đổi trọng yếu, các biến động bất thường thông qua việc sử dụng các ngưỡng thay đổi của các khoản mục tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lãi dự thu, chi phí, kết quả kinh doanh, và các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trên cơ sở kết quả từ hệ thống báo cáo thống kê điện tử của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng quyết định các ngưỡng thay đổi của các khoản mục nêu trên | 6. Thay đổi cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” thành cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng” tại điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN. | Sửa đổi theo cơ cấu tổ chức mới của NHNN quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Điều 31:** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. | **Điều 3. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. | Kế thừa quy định Thông tư 08. |
|  | **Điều 4. Điều khoản thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.  2. Trong thời gian chưa ban hành Sổ tay giám sát an toàn vi mô, Sổ tay giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này, đơn vị giám sát an toàn vi mô, đơn vị giám sát an toàn vĩ mô thực hiện theo Mẫu báo cáo giám sát quy định tại Phụ lục II, III và IV Thông tư số 08/2022/TT-NHNN./. | Khoản 1 về hiệu lực thi hành của Thông tư.  Khoản 2 bổ sung quy định chuyển tiếp, phù hợp quy định tại DTTT đã bỏ Phụ lục II về mẫu báo cáo giám sát an toàn vi mô đối với TCTD, CN NHNg, Phụ lục III về mẫu báo cáo giám sát an toàn vi mô đối với chi nhánh của TCTD, Phụ lục IV về mẫu báo cáo giám sát an toàn vĩ mô tại Thông tư 08. Các mẫu biểu này thực hiện theo hướng dẫn tại Sổ tay giám sát. |